

# TỤC ĐỐT ĐÌNH LIỆU

## Ở LÀNG ĐỘNG BÔNG

MAI THU TRANG\*

Lửa thông linh - Ảnh: Sở VH TT Thanh Hóa



Làng Động Bông thuộc xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Qua khảo sát tại hang Chúa và núi Tượng Sơn, các nhà khảo cổ học cho biết, cách đây khoảng một vạn năm, Động Bông đã có người sinh sống. Việc tìm thấy những di vật, hài cốt của người tiền sử tại hang động ở các núi đá vôi với ống xương tay, xương chân, đồ gốm, sành... đã chứng minh điều đó. Động Bông - làng Hang Động, tên làng cũng gợi

nhớ cho lớp người sau tìm về nguồn cội cha ông và địa bàn cư trú.

Động Bông làng quê bình dị êm đềm nhấp nhô núi đá và menh mông đồng trắng nước được ví như "Hạ Long cạn" của phủ Tống Sơn xứ Thanh xưa và Hà Trung, Thanh Hoá nay.

Nằm trong không gian của vùng chiêm trũng và núi đồi, phía trước làng có dãy núi đá vôi Trung Sơn - Lưỡng Tượng Sơn với hình thế rồng chầu, hổ phục, voi quỳ, trong lòng núi có nhiều mái đá, hang động là nơi cư trú

\* SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN THANH HÓA

của người xưa. Phía Tây làng giáp với núi Rồng Ngọc Trạo, nơi có đồng bào Mường sinh sống và có quan hệ gần gũi với Động Bồng; phía Bắc giáp làng Quan Chiên, Cẩm Đới, xã Hà Giang, trung tâm chính trị - kinh tế thời Lý của đất châu Ái; phía Nam là đồng chiêm trũng nước, giáp với dãy núi Đại Lại, nơi có Ly Cung do Hồ Quý Ly xây dựng vào năm 1397.

Làng Động Bồng thời Nguyễn thuộc diện "nhất xã, nhất thôn". Ngày nay, 4 thôn: Động Bồng, Bồng Sơn, Cẩm Sơn và Hương Đạm đều thuộc đất Động Bồng xưa.

Xưa kia, làng có diện tích tự nhiên khoảng 200 ha và nay là 100 ha, núi chiếm 23 ha, còn lại là đồng chiêm trũng và ao hồ. Dân số có 846 người với 243 hộ. Động Bồng có các họ lớn như họ Bùi, Tống, Mai, Vũ..., dòng họ có sớm nhất là họ Hoàng. Nghề nghiệp chính là trồng lúa một vụ, nuôi thủy cầm, đánh bắt thủy sản nước ngọt. Động Bồng về mùa mưa ngập nước, đi lại phải dùng thuyền, nên dân làng thường bảo nhau: *Sáu tháng đi bằng chân, sáu tháng đi bằng tay* - vì mùa mưa cả vùng như một biển nước, muốn đi lại phải chèo thuyền bằng tay thay cho đôi chân đi bộ. Trong lao động, khi làm ruộng, lúc lên núi, đánh cá, chài vịt ngoài đồng..., bao giờ người dân cũng không quên mang theo chiếc búi nhùi giữ lửa để sưởi ấm, hong khô quần áo, nướng nấu thức ăn.

Người Động Bồng xưa có mối quan hệ thân thiết với các làng, xã lân cận. Về phong tục, tập quán họ có nhiều nét chung với người Mường ở Ngọc Trạo, Thạch Thành. Người Động Bồng kết chạ với một số làng người Mường - Thạch Thành. Hàng năm họ thường thăm hỏi gặp gỡ nhau, nhất là vào dịp lễ Tết, hoặc những khi có việc lớn như dựng nhà, dựng đình, chùa, chia sẻ vui buồn - chẳng hạn, Động Bồng dựng đình thì người Mường - Ngọc Trạo góp gỗ lim. Với tục "làm xum", các làng thường xuyên giúp đỡ nhau trong những lúc công to, việc lớn.

Xưa làng Chánh Lộc (Cẩm Bối, Hà Giang) với làng Động Bồng kết nghĩa anh em với nhau. Chánh Lộc là làng anh, Động Bồng làng em. Hai làng thờ chung thành hoàng. Mỗi khi tế lễ thành hoàng thì trống tế làng Chánh Lộc nổi lên trước, sau đó mới đến

Mai Thu Trang: Tục đốt đình liệu ở làng Động Bồng

trống Động Bồng. Đờn nổi đờn, họ coi nhau như anh em cùng huyết thống, do vậy, người hai làng không bao giờ lấy nhau. Mối quan hệ gần gũi ấy đến ngày nay hai làng vẫn duy trì.

Hà Trung vốn nổi tiếng là "đình huyện Tống" (đình nhiều và lớn). Đình Động Bồng cũng là ngôi đình lớn, nổi tiếng ở trong vùng. Đình được xây dựng đời vua Gia Long thứ 10 (1811), mang đậm dấu ấn phong cách nghệ thuật thời Nguyễn. Toà đại đình có diện tích 480m<sup>2</sup>, hình chữ nhật, cấu trúc 5 gian 2 chái, với 36 cột trụ bằng gỗ tứ thiết, chia thành 4 hàng (12 cột cái, 20 cột quân, 4 cột chái); mái hiên trước có 4 cột đá. Đình được thiết kế với 4 mái đao, trên đó có đắp và tạo tác các vật linh như rồng, kim, lân, hoa lá.

Nhìn tổng thể, ngôi đình như một đoá sen khổng lồ đang từ từ mở cánh lung linh in bóng xuống mặt nước xanh trong, hoà với cảnh sắc núi cao, núi thấp nhấp nhô sóng lượn giữa mênh mông cánh đồng chiêm cò bay mỗi cánh. Xa xưa, Động Bồng thờ ai không rõ, nhưng từ khi có ngôi đình và cho đến nay thì đình thờ hai vị thành hoàng làng Tô Hiến Thành (một ông quan thời Lý có tiếng chính trực, công minh, ghét bạo tàn, luôn giúp đỡ người nghèo) và Tống Quốc Sư (người Trung Quốc, giỏi bốc thuốc trị bệnh, am tường địa lý; tương truyền, khi ông đến Tống Sơn, thấy vùng đất đẹp đã ngời nghỉ bên tảng đá và để cây gậy kê bên, bỗng chốc cây gậy ấy nảy chồi, bén rễ xanh tốt, trở thành cây tre có cành mọc ngược - dấu tích chỗ ông ngồi và giếng tre mọc ngược vẫn còn đến bây giờ. Sau khi dừng lại nơi đây, ông đã trị bệnh giúp dân, được mọi người yêu mến. Người dân vùng này còn kể lại, do cảm mến tài đức của nhau, Tô Hiến Thành và Tống Quốc Sư đã kết nghĩa huynh đệ và được dân làng Cẩm Đới và Động Bồng tôn làm thành hoàng vì có nhiều công lao hộ dân, giúp nước).

Cùng với di sản văn hoá vật thể, những di sản văn hoá phi vật thể có giá trị đặc sắc cũng đang được lưu giữ ở làng quê nhỏ bé này, tiêu biểu là tục đốt *đình liệu* vào đêm 30 Tết - Lễ tục độc đáo này, qua khảo sát của chúng tôi, đến nay chưa địa phương nào ở xứ Thanh còn giữ được.

Đốt *đình liệu* đã được các thế hệ dân làng Động Bồng đời nối đời truyền lại. Theo các cụ

già trong làng kể lại, hàng năm, vào tháng Chạp, dân làng cử trai tráng là những người khoẻ mạnh, nhanh nhẹn và nghị lực lên các ngọn núi trong vùng, như: Núi Ba Trạc, Bái Bò, Đầu Voi..., những nơi có nhiều cây đóm, loại cây dùng làm nguyên liệu để đốt *đình liệu*, chặt lấy đem về. Đóm là cây thuộc họ lau lách, lòng rỗng, có đốt, lá dài như lá mía; loại cây có dầu, rất dễ bắt lửa cháy. Khi lên núi lấy đóm, trai tráng còn phải chọn tìm cả những đoạn cây thẳng, chắc, vừa dẻo, vừa cứng dùng làm đòn gánh, rồi bó đóm lại gánh về. Khi tới làng, đóm phải được dỡ ra phơi. Đợi cho đóm thật khô hẳn mới thu lại một nơi để chuẩn bị cho việc kết, bó, tạo dáng *đình liệu*.

Sau ngày tiễn Táo quân lên trời, vào ngày 25 tháng Chạp, dưới sự chỉ đạo của các bậc cao niên, trai tráng gom những cây đóm đã khô, xếp nối tiếp nhau thành một bó đóm lớn, có đường kính 65cm, chiều dài 25m, lại tạo dáng giống như con rồng, rồi đem đặt vào gian chính giữa toà đại đình: Những đoạn cây làm đòn gánh để gánh đóm từ trên núi về được đặt theo hàng ngang đều đặn từ trong ra ngoài, sau đó đặt bó đóm lên các đòn kê ấy để *đình liệu* không bị ẩm, lại vừa thêm phần tạo dáng cho *đình liệu* giống với con rồng. Toàn bộ bó đóm khổng lồ tựa hình con rồng đang quẫy khúc, uốn lượn theo đòn kê từ trong hậu cung vươn ra mái hiên như đang chờ đợi giờ phút giao thừa dần đến. Sau ngày 25, các cụ trông coi đình không cho bất kể ai được đến gần *đình liệu* - con rồng thiêng đó.

Cũng trước ngày 25 tháng Chạp, trai tráng trong làng còn được phân công vào khu núi cấm trước làng lấy củi khô đem về đình để dùng vào việc đốt lửa trong suốt mấy ngày Tết. Làng Động Bồng ở vào phía Nam Gia Miêu - đây là đất quý hương của các vua triều Nguyễn, nên nhà Nguyễn cấm dân trong vùng lấy đá, chặt cây, làm kinh động đến lăng miếu Triệu Tường. Nếu ai không tuân theo lệnh ấy sẽ bị phạt rất nặng. Vì vậy, dân làng Động Bồng cũng như các làng khác tuy có núi mà vẫn phải đi lấy củi đun và mua vôi ăn trầu ở nơi khác. Theo quy định này, mỗi năm chỉ một lần dân làng mới được phép vào núi gom những cành cây và gốc củi khô đem về đình đốt vào dịp Tết Nguyên Đán để giữ lửa trong những ngày Tết.

Chiều 30 Tết, được phép của bậc tiên chỉ, trai làng cùng nhau chuyển bó đóm khổng lồ từ trong đình ra giữa sân đình - bằng cách chia số người ra hai bên đều nhau rồi dùng những chiếc đòn kê để dẫn dịch chuyển bó đóm. Sau đó, họ dùng đòn kê dựng đứng để néo (buộc) lại hướng cho đầu rồng vươn lên cao, thân rồng hạ thấp dần về phía sau. Khi công việc này hoàn tất, khung cảnh đình làng thật sự nổi bật vẻ hoành tráng, thiêng liêng: Trong ánh chiều buông, nổi trên sân đình là một con rồng khổng lồ, vừa hiền lành, vừa oai vệ, đang vươn lên nền trời cao, đợi chờ giờ khắc thiêng liêng đến để hoá thân thành ngọn đuốc khổng lồ, rồi tan biến vào vũ trụ mệnh mang, hoá nên mưa nhuần tưới tràn mặt đất trong tiết xuân ấm áp, khiến vạn vật sinh sôi, ấm no hạnh phúc đến với muôn người.

Khi con rồng được đưa tới vị trí đã định, trai tráng trong làng trở về nhà làm lễ tất niên, sau đó họ cùng bà con dân làng trở lại đình và mang theo một bó đóm nhỏ. Từ già tới trẻ, ai cũng háo hức đợi chờ giao thừa đến. Trước khi đốt *đình liệu*, dân làng tổ chức tế lễ tại sân đình, kính cáo trời đất, thần linh sông núi về dự với làng. Tiếp đó, trong hậu cung, các cụ cao niên làm lễ tâu với thành hoàng xin các ngài cho phép dân làng rước lửa đốt *đình liệu* đón chào năm mới.

Khi lửa được rước ra từ hậu cung, cũng là lúc tiếng trống cái nổi lên dồn dập trầm hùng, tiếng chiêng điểm nhịp, dàn trống con cùng lúc đổ dồn, tấu lên giai điệu lễ rước lửa theo nhịp bước rộn ràng, làm cho cả sân đình sôi động. Người vòng trong vòng ngoài, cùng chen vai thích cánh, ai cũng mong được đứng gần *đình liệu*, được thấy rõ ngọn lửa đầu tiên từ đầu rồng bùng cháy. Rồi phút giây giao thừa thiêng liêng đã đến, bụi nhùi làm râu và bờm rồng cùng với đuốc khô bén lửa, cháy bùng lên. Muôn tiếng hò reo sung sướng, tiếng trống cùng lúc đổ dồn từ sân đình vọng vang, từ các làng bên vọng tới, âm thanh từ các vách đá, hang động vọng về, khiến cho lòng người càng thêm rạo rức trước thời khắc giao hoan giữa trời và đất, con người với thần linh và giữa con người với con người. Ánh lửa bùng soi những nét mặt rạng ngời hân hoan hạnh phúc. Từ trong ánh lửa rừng rực cháy, họ thầm mong ước và hy vọng ánh sáng sẽ

xua đi sự âm u lạnh lẽo, sự nghèo khó gian nan, họ cầu mong ánh sáng sẽ đem đến cho họ một cuộc sống đủ đầy, ấm no hạnh phúc. Ánh sáng và lửa ấm xích họ lại gần nhau hơn, để rồi cùng nhau vượt lên gian khó, nhân lên niềm vui và sức mạnh, xua đi nỗi buồn với một tinh thần lớn: Cộng cư - cộng mệnh - cộng cảm (cùng chung địa bàn cư trú, cùng tôn thờ các vị thần linh bảo trợ, cùng cảm thông chia ngọt sẻ bùi trong cuộc mưu sinh).

Sau khi chứng kiến lễ đốt *đình liệu* ở đình, mọi người cùng đưa những bó đuốc đã được chuẩn bị sẵn vào ngọn lửa *đình liệu* đang bốc cao lấy lửa/điều may mắn, rồi rước về nhà. Ngọn lửa thiêng này sẽ được các gia đình dùng để nhóm bếp làm đồ cúng đầu năm và giữ gìn trong suốt những ngày Tết. Đêm giao thừa, cả Động Bồng như một hội hoa đăng, mỗi ngọn đuốc như một vì tinh tú từ mặt đất rọi lên không trung, từ trời cao chiếu tràn mặt đất, làm cho cả một vùng lấp lánh ánh sáng, chụm lại rồi toả ra, thấp lên trong lòng người, trong mỗi nhà một ánh sáng mới rạng rỡ, thiêng liêng. Trong suốt dịp Tết, kể từ lúc giao thừa đến lễ hạ nêu (mùng 7 Tết), những người trông coi đình và mỗi gia đình phải giữ ngọn lửa cẩn thận, không bị tắt. Họ tin rằng giữ được lửa, ngọn lửa luôn cháy sáng thì dân làng sẽ gặp nhiều may mắn, làm ăn thuận lợi, mùa màng bội thu, dân Khang vật thịnh.

Cũng trong suốt dịp Tết, sau lễ đốt *đình liệu*, tại khu vực đình làng, dân làng Động Bồng còn tổ chức nhiều trò diễn, trò chơi như: Hát ru, hát bội, hát đúm, hát đối đáp, các trò chơi dân gian, thu hút đông đảo mọi người tham dự.

Một thời gian dài, do trải qua chiến tranh và điều kiện không cho phép, tục đốt Đình Liệu rơi vào quên lãng. Những năm gần đây, tục đốt *đình liệu* đã được khôi phục lại, tuy có ít nhiều thay đổi cho phù hợp với thực tế ở địa phương - Ví dụ: *Đình liệu* xưa được làm bằng cây đuốc, giờ được thay thế bằng cây lè lè (cùng họ cây đuốc nhưng lá nhỏ như lá tre, mọc ở núi đá rất dễ cháy). Duy các lễ thức và trình tự đốt *đình liệu* thì vẫn được thực hiện như cha ông truyền lại.

Tục đốt *đình liệu* ở Động Bồng còn phải tiếp tục khảo sát, nghiên cứu mới hy vọng có

Mai Thu Trang: Tục đốt đình liệu ở làng Động Bồng

thể "giải mã" được. Tuy vậy, từ những trình bày trên đây, chúng tôi muốn được gợi nghĩ mấy vấn đề sau:

- Ngay từ xa xưa, với điều kiện sinh sống của người Động Bồng ở trong hang động, lấy mái đá làm nhà, địa bàn cư trú là vùng chiêm trũng quanh năm ngập nước, do vậy, hơn bất cứ ở nơi nào khác, lửa không thể thiếu trong cuộc sống của người Động Bồng. Chính vì thế, tục đốt *đình liệu* trong đêm 30 Tết đã ra đời.

- Đốt *đình liệu* là lễ tục có từ lâu đời, gắn với người Việt cổ ở Động Bồng, để tỏ lòng thành kính và biết ơn của người xưa đối với lửa đã giúp họ sưởi ấm, tìm kiếm cái ăn, xua đi bóng đêm và thú dữ. Lửa đã giúp họ nướng chín thức ăn, nhân lên sức mạnh của người cổ xưa trước sự khắc nghiệt của thiên nhiên - một tuy hào phóng mà nghiệt ngã, đầy hiểm họa và bất trắc đối với cuộc sống của con người.

- Đốt *đình liệu* ở Động Bồng chính là một biểu hiện của tín ngưỡng thờ thần mặt trời, cầu ánh sáng của người Việt cổ. Họ là những cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, cần có đủ ánh nắng giúp cho cây trồng tươi tốt, con người và vật nuôi sinh sôi nảy nở. Cầu ánh sáng mặt trời cũng là ước vọng trị thủy nhằm hạn chế sức mạnh và sự tàn phá của lũ lụt đối với con người, làng mạc, ruộng đồng.

- Đốt *đình liệu* là một mỹ tục độc đáo, phản ánh nhận thức và tư duy thuần phác của cư dân Việt cổ về các hiện tượng của tự nhiên tác động tới sản xuất và đời sống. Lễ tục đặc sắc này hàm chứa nhiều giá trị nhân văn sâu sắc, cần phải được tiếp tục bảo lưu, gìn giữ, phát huy nhằm tập hợp, gắn bó các thành viên và cộng đồng làng xã, nhân lên sức mạnh trong mỗi người và trong toàn thể cộng đồng để làm cho cuộc sống ngày càng ấm no, vui tươi hạnh phúc, thoả lòng mong ước của tiền nhân đã dày công khai sơn phá thạch, dựng ấp lập làng, trao truyền cho các thế hệ muôn sau những giá trị văn hoá dân gian đặc sắc./.

M.T.T